

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1258~~/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày ~~17~~ tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG	
ĐƠN VỊ	CHỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
CT N.V.Tùng	x
PCT TT N.X.Bình	
PCT L.K.Nam	
PCT N.V.Thành	x
PCT N.Đ.Chuyển	
CVP P.H.Hùng	x
PCVP B.B.Sơn	
PCVP T.H.Kiên	
PCVP N.N.Tú	
P. XDGTCT	
P. VX	
P. NNTNMT	
P. TCNS	x
P. NC&KTGS	
P. TH	
P. KSTTHC	
VP BCSD	
BAN TCD	
P. HCTC	
P. QTTV	
TTTTTH	
TTHN & NKTP	

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Hải quan ngày 30 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Hiệp định và Nghị định thư về xây dựng và thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN đã được Chính phủ Việt Nam phê duyệt tại văn bản số 1621/TTg-QHQT ngày 30 tháng 10 năm 2007;
Căn cứ Nghị định thư về khung pháp lý để thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN ký ngày 04 tháng 9 năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2015 về việc ký Nghị định thư khung pháp lý Cơ chế một cửa ASEAN;

Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về quy định thực hiện thủ tục hành chính theo Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 - 2020 như sau:

1. Sửa cụm từ “Quý II năm 2019” tại điểm a khoản 3 Mục III thành cụm từ “Quý IV năm 2020”.

2. Sửa cụm từ “Quý IV năm 2018” tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm c khoản 3 Mục III thành “Quý IV năm 2020”.

3. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 6 điểm c khoản 3 Mục III như sau:

“- Năm 2020, các bộ, ngành phải hoàn thành việc rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng: Áp dụng đầy đủ nguyên tắc quản lý rủi ro trên cơ sở đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; thực hiện công nhận lẫn nhau; ưu tiên và tạo thuận lợi đối với các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu phục vụ sản xuất mà trong nước chưa sản xuất được; giải quyết các nội dung quy định gây vướng mắc trong quá trình thực hiện”.

4. Sửa cụm từ “Năm 2018 và năm 2019” tại điểm đ khoản 3 Mục III thành “Năm 2020”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1254/QĐ-TTg như sau:

1. Sửa đổi các thủ tục hành chính trong Danh mục thủ tục hành chính triển khai qua Cơ chế một cửa quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 1254/QĐ-TTg tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này như sau:

a) Sửa đổi tên của 03 thủ tục hành chính, cụ thể: 02 thủ tục hành chính của Bộ Y tế, 01 thủ tục hành chính của Bộ Công Thương;

b) Sửa đổi thời gian thực hiện của 08 thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Gộp thành 02 thủ tục hành chính từ các thủ tục hành chính khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chi tiết tại Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Bổ sung tổng số 44 thủ tục hành chính, cụ thể: 06 thủ tục hành chính của Bộ Công Thương; 01 thủ tục hành chính của Bộ Giao thông vận tải; 12 thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 06 thủ tục hành chính của Bộ Quốc phòng; 03 thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 15 thủ tục hành chính của Bộ Y tế; 01 thủ tục hành chính của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Chi tiết tại Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Đưa ra khỏi Quyết định số 1254/QĐ-TTg tổng số 38 thủ tục hành chính, cụ thể: 01 thủ tục hành chính của Bộ Công Thương; 04 thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 14 thủ tục hành chính của Bộ Quốc phòng; 08 thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 02 thủ tục hành chính của Bộ Công an; 01 thủ tục hành chính của Bộ Y tế; 03 thủ tục hành chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 05 thủ tục hành chính của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chi tiết tại Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Thay thế các danh mục sau tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1254/QĐ-TTg, cụ thể:

a) Thay thế Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành phải sửa đổi, bổ sung bằng Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành phải sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Thay thế Nhóm hàng hóa các bộ, ngành phải ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn bằng Nhóm hàng hóa các bộ, ngành phải ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Thay thế Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành phải ban hành kèm theo mã số HS bằng Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành phải ban hành kèm theo mã số HS tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Ủy ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH(2b). 110



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Số: 144 / SY

Nơi nhận:

- Cục HQ HP;
- Công TTĐT TP;
- Lưu VT.

SAO Y BẢN CHÍNH

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2020

**TL. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

